

CUNG ĐÌNH PHỤ TỬ

# VẠN BỆNH HỒI XUÂN



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm.

Tại Nhà in Nhạc viện Hà Nội

Giấy phép xuất bản số 497/CXB-QLXB cấp ngày 26/7/1998

Giấy trích ngang KHXB 212/XBYH

In xong, và nộp lưu chiểu quý I năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC  
CÔNG NGUYỆT ĐƯỜNG

CUNG ĐÌNH PHU TỬ



**VAN BÊNH**

*Đôi Quan*

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC  
Hà Nội - 1998

## THAY LỜI TỰA

 Trong kho tàng sách Đông y, **VÂN BỆNH HỒI XUÂN** là một cuốn cổ thư rất có giá trị của y học Trung Hoa.

Sách được **CUNG ĐÌNH PHU TỬ**, bút hiệu và **Vân Lâm tiên sinh** soạn thảo ra, được **Chu Lương tiên sinh** chấp bút và cho in thành sách.

Đây không phải là một cuốn sách đơn thuần liệt kê bách bệnh, những chứng trạng và phương dược thông thường.

Ở đây, ngòi bút sắc bén của tác giả đã đặt **CON NGƯỜI** trong môi tương quan đa dạng giữa Âm Dương Ngũ hành, Lục phủ Ngũ tạng, Biện lý hư thực hàn nhiệt cùng Thập nhị mạch Kinh Lạc.

Với mỗi loại bệnh đưa ra, tác giả đã cố gắng phân tích, lý giải đến tận cốt lõi, nhìn nhận mỗi chứng bệnh trong sự biến thái đa dạng, và đưa ra được những cách xử lý hữu hiệu đã được thực tế kiểm dịch và khả tín.

Ở đây, ta không thấy những bài học khô cứng đơn điệu, mà thấy được một chiếc la bàn đáng tin cậy trong hành trình, một chìa khoá với rất nhiều gợi mở bổ ích.

Tuy vậy, cũng như bao cuốn y thư cổ khác, thời gian đã làm cho một số vấn đề nêu ra trong cuốn sách trở nên lạc hậu, có vị thuốc đã trở nên khó kiếm, song nó vẫn là tài liệu tham khảo rất quý giá cho những ai vốn đam mê nghiên cứu Đông y học cổ truyền.

Nhà xuất bản Y học xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với đông đảo bạn đọc gần xa, và rất mong nhận được sự góp ý chỉnh lý của bè bạn vốn rất quan tâm đến những vấn đề của Đông y học cổ truyền.

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC**

# MỤC LỤC

|                                                 |     |
|-------------------------------------------------|-----|
| Bệnh trúng phong (bệnh trúng gió độc)           | 11  |
| Bệnh thương hàn                                 | 55  |
| Bệnh trúng hàn                                  | 87  |
| Bệnh ôn dịch (bệnh truyền nhiễm)                | 92  |
| Bệnh hà mô ôn dịch (thuộc về chứng phong nhiệt) | 97  |
| Bệnh trúng nắng (trúng thử)                     | 99  |
| Bệnh trúng thấp                                 | 108 |
| Hoả chứng                                       | 112 |
| Nội thương                                      | 117 |
| Uất chứng                                       | 138 |
| Bệnh do đờm tắc                                 | 145 |
| Bệnh ho                                         | 157 |
| Bệnh thở suyễn                                  | 166 |
| Bệnh hen                                        | 170 |
| Bệnh sốt rét                                    | 173 |
| Bệnh lỵ                                         | 186 |
| Bệnh tiết tả (đi lỏng dạ)                       | 196 |
| Bệnh hoắc loạn                                  | 212 |
| Bệnh ẩu thổ                                     | 220 |
| Bệnh phiên vị                                   | 225 |
| Bệnh nấc (ách nghịch)                           | 234 |
| Bệnh ái khí                                     | 240 |
| Bệnh thốn toan (tiết dịch chua)                 | 242 |
| Bệnh táo tỵ                                     | 246 |
| Bệnh về chư khí                                 | 250 |

|                                           |     |
|-------------------------------------------|-----|
| • Bệnh thanh can (nổi gân xanh)           | 257 |
| • Bệnh bí mẩn                             | 258 |
| • Bệnh cổ trướng                          | 262 |
| • Bệnh thủy thũng                         | 272 |
| • Bệnh tích tụ (bệnh tụ khí hàn)          | 279 |
| • Bệnh hoàng đản (bệnh vàng da)           | 290 |
| • Bệnh cổ lãnh                            | 294 |
| • Bệnh ban chẩn                           | 297 |
| • Bệnh phát nhiệt (sốt nóng)              | 300 |
| • Bệnh cảm bồi bổ                         | 305 |
| • Bệnh hư lao                             | 319 |
| • Bệnh thất huyết (mất máu)               | 330 |
| • Bệnh ố nhiệt (bệnh sợ nóng)             | 343 |
| • Bệnh ố hàn (bệnh sợ lạnh)               | 343 |
| • Bệnh ra mồ hôi                          | 344 |
| • Bệnh huyễn vũng (vàng dầu hoa mắt)      | 347 |
| • Bệnh ma mộc (ngây ngổ như gỗ)           | 352 |
| • Bệnh điên cuồng                         | 357 |
| • Bệnh phong giãn (bệnh động kinh)        | 360 |
| • Bệnh kiện vong (bệnh hay quên)          | 365 |
| • Bệnh chinh sung (bệnh sợ sệt)           | 368 |
| • Bệnh kinh quý (bệnh kinh hoảng)         | 371 |
| • Bệnh bất my                             | 377 |
| • Bệnh hư phiền                           | 379 |
| • Bệnh tà tủy (bệnh sợ ma quỷ ám)         | 381 |
| • Bệnh về quyết chứng                     | 383 |
| <i>(khí nghịch làm chân tay giả lạnh)</i> |     |
| • Bệnh về trọc chứng (nước tiểu đục)      | 384 |

|                                              |     |
|----------------------------------------------|-----|
| • Bệnh di mộng tinh                          | 389 |
| • Bệnh về lâm chứng                          | 395 |
| • Bệnh quan cách                             | 399 |
| • Bệnh di niệu                               | 400 |
| • Bệnh tiểu tiện bí                          | 403 |
| • Bệnh đại tiện bí                           | 408 |
| • Bệnh trĩ lậu                               | 412 |
| • Bệnh thở khi (người có mùi hôi)            | 416 |
| • Bệnh phiền ung                             | 417 |
| • Bệnh thoát giang                           | 419 |
| • Bệnh chur trùng (có trùng độc trong người) | 421 |
| • Bệnh tu phát (bệnh về râu tóc)             | 423 |
| • Bệnh ở mắt                                 | 425 |
| • Bệnh ở tai                                 | 429 |
| • Bệnh ở mũi                                 | 436 |
| • Bệnh ở lưỡi                                | 440 |
| • Bệnh đau răng                              | 445 |
| • Bệnh ở mắt                                 | 449 |
| • Bệnh ở yết hầu                             | 455 |
| • Bệnh kết hạch                              | 461 |
| • Bệnh mai hạch                              | 462 |
| • Bệnh anh lựu                               | 463 |
| • Bệnh phế ung                               | 465 |
| • Bệnh phế nuy                               | 467 |
| • Bệnh tâm thống (đau dạ dày)                | 469 |
| • Bệnh phúc thống (đau bụng)                 | 473 |
| • Bệnh yêu thống (đau eo lưng)               | 478 |
| • Bệnh hiếp thống (đau mạng sườn)            | 481 |

|                                             |     |
|---------------------------------------------|-----|
| Bệnh tý thống (đau ở tay)                   | 484 |
| Bệnh bối thống (đau lưng)                   | 485 |
| Bệnh thống phong (đau do phải gió)          | 488 |
| Bệnh cước khí                               | 494 |
| Bệnh đởi sán (còn gọi là sán khí hay sa đỉ) | 497 |
| Bệnh nuy tích (khoèo chân)                  | 500 |
| Bệnh tiêu khát (khát nước)                  | 502 |
| Các chứng khí huyết tạp bệnh bị chạy hậu    | 505 |
| Bệnh phụ khoa                               | 507 |
| Bệnh ung thư                                | 523 |
| Bệnh đĩnh sang (nhọt)                       | 525 |
| Bệnh giang mai sang                         | 527 |
| Bệnh giới sang (ghẻ lở)                     | 530 |
| Bệnh tiền sang (hắc lào)                    | 531 |
| Bệnh phong                                  | 532 |
| Chữa trùng thú cắn người                    | 533 |
| Chữa trúng độc                              | 534 |
| Chữa hóc xương                              | 535 |
| Bệnh ngũ tuyệt                              | 536 |
| Những bệnh kỳ lạ                            | 538 |
| Bệnh trẻ em                                 | 541 |
| Phụ lục                                     | 561 |